

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng mạnh hơn 54 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,222.46 điểm với thanh khoản mạnh mẽ. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Đà hồi phục ngắn hạn có thể tiếp diễn trong các phiên tới, tuy nhiên nhà đầu tư vẫn nên cẩn trọng trước thị trường đang có biên độ dao động rất lớn và giao dịch theo thông tin.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/04/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+54.12** điểm, đóng cửa tại **1222.46** điểm. HNX-Index **+5.02** điểm, đóng cửa tại **213.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+7.52)**, **VIC (+3.92)**, **BID (+3.48)**, **CTG (+2.92)**, **HPG (+2.41)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SSB (-0.41)**, **BCM (-0.23)**, **SIP (-0.16)**, **VSH (-0.10)**, **VGC (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **37,273** tỷ đồng, tăng **705.42%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 38,108 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 41.87 điểm. Thị trường có **332** mã tăng, 26 mã tham chiếu, **178** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **975.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (417.74 tỷ)**, **MBB (249.24 tỷ)**, **VIC (159.90 tỷ)**, **ACB (149.40 tỷ)**, **FPT (116.79 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-198.90** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+5.21%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - MWG (+6.98%)**
 - STB (+6.92%)**
 - DGC (+6.91%)** [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+4.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - MBS (+7.35%)**
 - GAS (+7.00%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - DGW (+6.99%)** [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	5.21%	4.07%	4.63%	4.85%
1 tuần	-5.87%	-5.17%	0.97%	2.30%
1 tháng	-18.91%	-18.29%	-8.39%	-5.92%
3 tháng	-14.18%	-9.80%	-0.65%	1.29%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,222.46	213.34	93.25
% 1D	4.63%	2.41%	0.44%
GTGD (tỷ VND)	37,273	2,161	1,109
%1D	705.42%	269.53%	24.03%
GDNN (tỷ VND)	975.05	-198.90	-111.43

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	417.74	SSI	-131.44
MBB	249.24	KBC	-94.79
VIC	159.90	SIP	-77.78
ACB	149.40	SHB	-76.99
FPT	116.79	GMD	-67.01

Thị trường thế giới

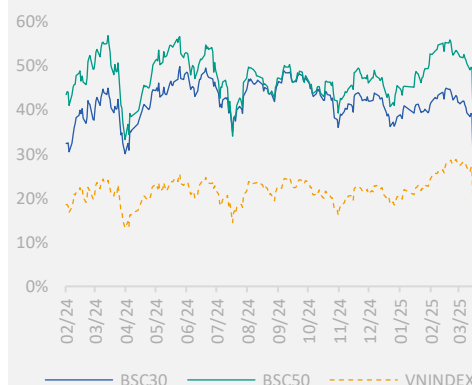
	%D	%W	
SPX	5,268	-3.46%	-2.38%
FTSE100	7,883	-0.38%	-2.14%
Eurostoxx	4,757	-1.82%	-2.49%
Shanghai	3,238	0.45%	-3.11%
Nikkei	33,585	-2.96%	-0.58%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.20	-0.31%
Giá vàng	3,218	0.31%
Tỷ giá		
USD/VND	25,880	-0.35%
EUR/VND	29,895	2.46%
JPY/VND	184	2.22%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.02%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

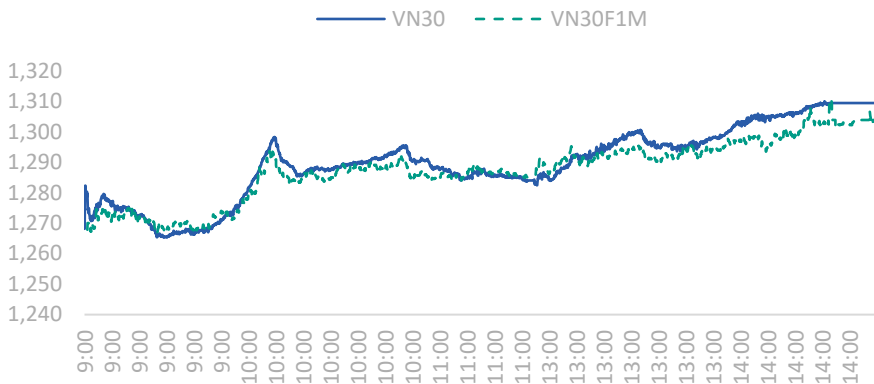
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1314.90	4.59%	552	1944.4%	9/18/2025	160
VN30F2504	1307.00	3.70%	334,703	585.3%	4/17/2025	6
VN30F2505	1310.00	4.30%	4,005	1394.4%	5/15/2025	34
VN30F2506	1312.00	4.77%	980	1480.6%	6/19/2025	69

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 +60.65 điểm, đóng cửa tại 1309.94 điểm. Biên độ dao động 44.76 điểm. Các cổ phiếu như ACB, TCB, FPT, HPG, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giao dịch trong sắc xanh cả ngày hôm nay cùng với thanh khoản tăng đáng kể so với phiên trước đó. Nhà đầu tư nên ưu tiên quan sát và cân nhắc tăng tỷ trọng vào đầu tuần tới để tận dụng thời điểm hợp lý.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2408	8/14/2025	125	2,600	-76.24%	2.00	870	97.7%	5.81	4.61	19.40	19.40
CTCB2404	8/14/2025	125	4,400	-73.12%	2.50	930	60.3%	4.83	7.15	26.60	26.60
CVIB2408	5/14/2025	33	3,400	-81.61%	1.95	370	54.2%	4.18	3.43	18.65	18.65
CTCB2506	10/23/2025	195	4,800	-68.35%	2.50	1,480	41.0%	6.04	8.42	26.60	26.60
CSTB2502	9/26/2025	168	1,500	-75.48%	3.55	1,910	33.6%	11.46	9.28	37.85	37.85
CSTB2411	5/14/2025	33	4,200	-78.34%	3.40	1,200	33.3%	8.62	8.20	37.85	37.85
CSTB2413	6/30/2025	80	281,100	-82.75%	3.97	640	28.0%	8.48	6.53	37.85	37.85
CMBB2402	5/21/2025	40	2,144,100	-74.21%	2.35	1,890	25.2%	10.79	6.05	23.45	23.45
CVIC2503	6/30/2025	80	19,000	-60.74%	4.26	7,100	24.6%	20.29	25.56	65.10	65.10
CACB2505	10/9/2025	181	12,500	-75.90%	2.63	1,120	24.4%	7.43	5.99	24.85	24.85
CVIC2407	6/30/2025	80	521,300	-65.75%	4.90	3,480	23.8%	12.05	22.30	65.10	65.10
CVPB2505	6/30/2025	80	40,200	-83.09%	2.10	850	23.2%	15.37	2.95	17.45	17.45
CVIC2404	4/28/2025	17	17,900	-58.99%	4.30	5,600	22.8%	15.20	26.70	65.10	65.10
CMBB2502	5/26/2025	45	4,566,700	-79.33%	2.09	1,590	20.5%	12.30	4.85	23.45	23.45
CVIC2501	5/26/2025	45	73,800	-54.22%	4.00	5,160	19.2%	12.22	29.80	65.10	65.10
CHPG2508	10/23/2025	195	82,000	-76.54%	2.70	1,500	19.0%	10.83	5.70	24.30	24.30
CSHB2403	6/30/2025	80	418,200	-75.03%	1.23	900	18.4%	5.46	3.03	12.15	12.15
CVIC2405	7/28/2025	108	69,700	-57.76%	4.30	5,800	18.1%	15.22	27.50	65.10	65.10
CFPT2405	8/14/2025	125	2,500	-67.74%	13.41	2,500	17.4%	10.60	38.23	118.50	118.50
CVIC2502	10/27/2025	199	64,800	-58.22%	4.50	4,540	17.3%	12.14	27.20	65.10	65.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 11/04/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 97.73%. CMBB2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.77%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVHM2503, CVIC2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	24.85	6.65%	5.95
TCB	26.60	5.35%	5.84
FPT	118.50	5.24%	5.27
HPG	24.30	6.81%	5.22
VIC	65.10	6.90%	4.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SSB	20.00	-3.15%	-1.12
BCM	59.70	-1.65%	-0.04
GVR	26.00	1.56%	0.06
VRE	19.40	0.78%	0.12
BVH	44.00	5.26%	0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	59.80	6.60%	7.52	8.36
VIC	65.10	6.90%	3.92	3.82
BID	36.75	5.91%	3.48	7.02
CTG	38.40	6.22%	2.92	5.37
HPG	24.30	6.81%	2.41	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	26.30	7.35%	0.66	0.57
SHS	13.70	7.03%	0.46	0.81
PVI	62.40	5.05%	0.44	0.23
CEO	12.40	9.73%	0.39	0.54
VCS	46.50	5.68%	0.25	0.16

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PDN	128.40	7.00%	0.08	0.00
GAS	58.10	7.00%	2.17	2.26
HHS	10.40	7.00%	0.06	12.96
DGW	32.90	6.99%	0.11	3.95
MWG	52.90	6.98%	1.23	13.97

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TFC	62.10	9.91%	0.34	0.01
STP	10.00	9.89%	0.03	0.00
PVC	8.90	9.88%	0.24	1.34
DNC	71.40	9.85%	0.19	0.00
API	5.60	9.80%	0.15	1.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SSB	20.00	-3.15%	-0.41	2.85
BCM	59.70	-1.65%	-0.23	1.04
SIP	65.50	-5.07%	-0.16	0.21
VSH	50.50	-3.63%	-0.10	0.24
VGC	38.30	-2.30%	-0.09	0.45

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

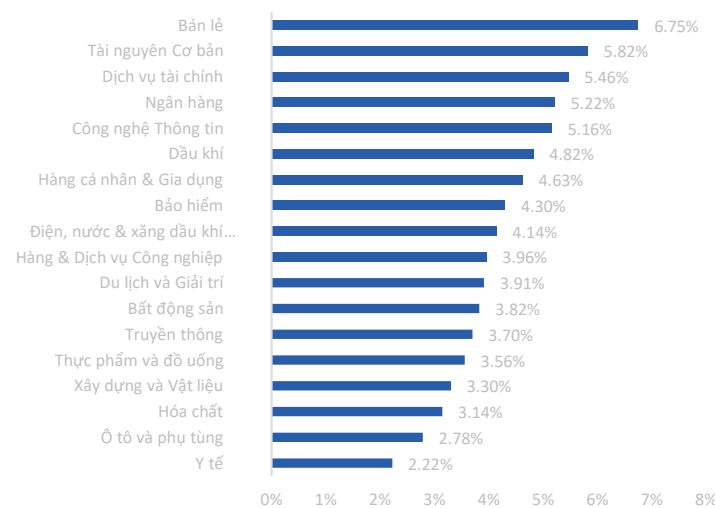
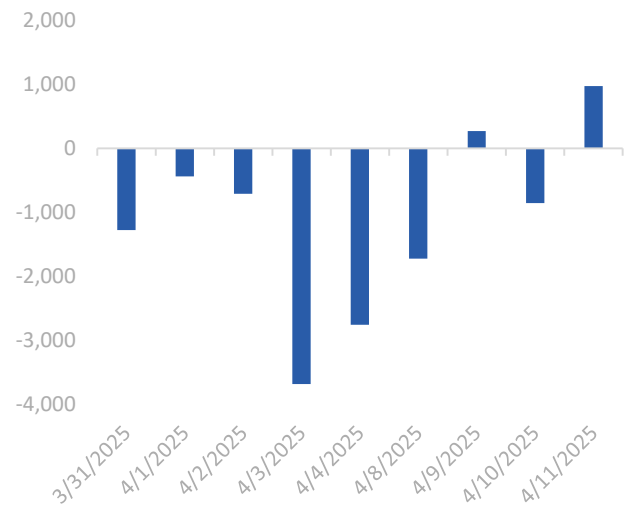
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	210.40	-8.12%	-2.03	0.20
HUT	14.30	-2.72%	-0.21	0.89
TIG	7.20	-10.00%	-0.08	0.19
MVB	23.70	-4.05%	-0.06	0.11
DNP	19.00	-3.55%	-0.06	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUCVREIT	4.66	-6.99%	0.00	0.01
DAT	6.66	-6.85%	-0.01	0.00
SRC	26.00	-6.81%	-0.01	0.00
AGM	1.96	-6.67%	0.00	0.56
FUESSV30	16.10	-5.79%	0.00	0.04

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HKT	8.50	-9.57%	-0.02	0.00
BTW	40.10	-9.48%	-0.12	0.00
TMX	9.70	-9.35%	-0.02	0.00
HAT	42.50	-8.41%	-0.04	0.01
BKC	62.10	-8.27%	-0.20	0.12

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	52.9	7.0%	1.6	77,313	726.9	2,544	20.8		46.3%	
KBC	Bất động sản	23.7	0.0%	1.7	18,192	799.6	498	47.6		18.7%	
KDH	Bất động sản	27.5	6.2%	1.2	27,806	211.6	863	31.9		35.9%	
PDR	Bất động sản	17.0	5.6%	1.9	14,843	333.5	191	89.1	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	53.5	3.3%	0.9	219,747	770.3	7,349	7.3	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	118.5	5.2%	1.0	174,322	2239.6	5,371	22.1	163,000	41.8%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	3.9%	0.0	50,073	122.1	204	79.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	24.2	3.0%	1.4	11,567	242.8	2,238	10.8	40,300	16.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.8	5.5%	1.6	19,259	608.8	1,571	17.0		42.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.5	6.6%	1.5	46,006	1489.4	1,536	15.3		36.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.3	6.0%	1.6	26,067	557.9	1,537	23.6		29.6%	
DCM	Hóa chất	28.8	6.9%	1.5	15,247	129.0	2,682	10.7	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	83.6	6.9%	1.4	31,749	252.6	7,864	10.6	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	6.7%	0.7	110,996	1077.2	3,759	6.6	30,400	29.7%	Link
BID	Ngân hàng	36.8	5.9%	0.8	258,035	251.6	3,637	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	38.4	6.2%	1.0	206,208	760.9	4,720	8.1		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.7	6.4%	1.1	72,348	375.6	3,667	5.6		17.0%	
MBB	Ngân hàng	23.5	6.4%	1.0	143,098	1809.0	3,729	6.3	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.1	3.3%	1.2	28,730	249.9	2,123	5.2	14,000	27.4%	Link
STB	Ngân hàng	37.9	6.9%	1.1	71,355	1694.3	5,351	7.1		21.1%	
TCB	Ngân hàng	26.6	5.4%	1.1	187,925	1484.1	3,054	8.7	31,400	22.4%	Link
TPB	Ngân hàng	13.2	5.6%	0.9	34,874	341.0	2,298	5.7	-	23.9%	Link
VCB	Ngân hàng	59.8	6.6%	0.7	499,669	476.8	4,049	14.8		22.5%	
VIB	Ngân hàng	18.7	3.0%	1.1	55,561	303.5	2,424	7.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.5	2.4%	1.0	138,447	1054.0	1,989	8.8	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	24.3	6.8%	1.2	155,429	1858.1	1,879	12.9	37,500	21.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	2.5%	1.7	9,004	226.7	935	15.5	22,700	7.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.1	6.8%	1.5	8,383	326.0	2,712	9.2	31,000	2.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	57.1	6.1%	1.6	82,130	785.0	1,345	42.5		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.5	3.4%	0.7	120,172	523.4	4,494	12.8		49.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	32.9	6.99%	1.7	7,211	128.5	2,042	16.1	18.6%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	141.9	6.93%	1.0	19,333	102.5	2,331	60.9	31.9%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	44.0	5.26%	0.9	32,662	48.5	2,843	15.5	26.7%	9.6%	
DIG	Bất động sản	16.7	4.39%	1.6	10,154	424.2	188	88.7	2.3%	1.5%	
DXG	Bất động sản	14.0	6.46%	1.6	12,192	421.5	350	40.0	20.4%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	23.0	2.68%	1.2	4,102	304.9	384	59.9	2.6%	3.1%	
HDG	Bất động sản	22.0	4.51%	1.4	7,399	91.0	1,036	21.2	19.8%	5.8%	
IDC	Bất động sản	38.1	1.06%	1.2	12,573	406.9	6,049	6.3	20.3%	37.7%	
NLG	Bất động sản	29.3	5.59%	1.3	11,283	235.6	1,346	21.8	37.4%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.5	-5.07%	0.0	13,790	231.0	5,584	11.7	6.0%	29.6%	
SZC	Bất động sản	32.9	-1.79%	1.4	5,922	231.2	1,809	18.2	2.8%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	16.3	6.19%	1.4	10,892	266.6	1,466	11.1	8.7%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	65.1	6.90%	0.9	248,920	851.5	3,069	21.2	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	19.4	0.78%	1.2	44,083	315.9	1,802	10.8	19.5%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	33.0	6.97%	0.8	6,973	52.2	1,478	22.3	36.1%	11.4%	
PLX	Dầu khí	35.4	6.80%	0.9	44,915	127.6	2,274	15.5	17.5%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	18.0	1.12%	1.4	10,006	162.9	1,255	14.3	8.1%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	42.7	4.79%	1.8	13,063	413.5	1,869	22.9	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.3	7.35%	1.8	15,064	239.1	1,583	16.6	7.1%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.1	7.00%	0.7	136,109	129.9	4,439	13.1	1.8%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.3	6.60%	1.0	26,463	183.4	475	23.8	3.8%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	3.53%	1.0	31,793	125.8	4,237	15.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	85.4	0.95%	0.6	46,254	103.4	2,632	32.4	12.7%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	4.58%	1.8	19,638	500.2	1,910	12.0	10.7%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.0	1.88%	1.1	19,329	300.1	4,611	10.0	40.9%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.0	5.81%	1.4	6,625	120.8	4,406	11.6	10.5%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.3	2.01%	1.2	7,227	118.8	3,071	6.6	12.1%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	112.0	3.99%	0.0	13,640	207.8	3,146	35.6	6.6%	24.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	71.7	6.86%	0.8	24,228	262.2	6,300	11.4	47.2%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.7	6.73%	0.9	3,229	124.4	2,710	11.7	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.2	1.25%	1.3	1,986	63.2	2,568	6.3	16.4%	17.4%	
DPM	Hóa chất	31.8	6.89%	1.5	12,444	147.8	1,374	23.1	8.5%	4.8%	Link
GVR	Hóa chất	26.0	1.56%	1.9	104,000	267.3	997	26.1	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	17.8	6.91%	0.9	33,156	203.0	1,786	10.0	3.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	1.48%	0.9	102,165	235.2	3,254	10.5	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.8	0.90%	0.0	23,059	20.2	2,702	6.2	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.8	4.88%	1.1	26,507	56.5	1,287	8.4	19.3%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	1.63%	1.7	5,572	235.7	1,364	9.1	5.4%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.2	6.79%	1.5	3,768	30.6	180	78.8	0.6%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.3	3.99%	0.8	9,516	187.1	1,533	20.4	4.3%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	3.92%	1.0	62,846	193.5	3,376	14.5	59.3%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.0	-2.97%	1.2	10,998	176.9	5,463	9.0	24.4%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	124.8	2.30%	0.8	10,216	64.5	12,103	10.3	83.0%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	73.5	6.83%	1.4	7,345	227.3	3,734	19.7	48.8%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.5	6.96%	1.2	9,666	132.4	4,705	18.0	7.8%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.3	4.76%	1.4	2,980	54.7	3,553	13.3	7.5%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.4	6.54%	1.7	4,928	151.1	987	11.6	6.9%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.0	6.35%	1.3	7,493	49.9	1,307	16.0	16.2%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.8	6.94%	1.6	12,451	345.7	1,548	13.4	6.5%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	38.3	-2.30%	1.5	17,172	108.3	2,464	15.5	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>